

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/DSST**
Ngày : 31-3-2021
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hùng và ông Nguyễn Văn Cử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST-DS ngày 03/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Tô Thị Mỹ D**, sinh năm 1963.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Phạm Ngọc M**, sinh năm 1982 và bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1985.

Đồng trú: Thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn T có mặt. Bị đơn M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2018 (tức ngày 02/10/2018 âm lịch) bị đơn Phạm Ngọc M và Lê Thị Thanh T có vay của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và cam kết tháng 05/2019 sẽ trả đủ. Hai bên có lập giấy vay tiền, việc vay mượn này không có thỏa thuận lãi. Tuy nhiên tới nay bị đơn M, T vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn M, T trả 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay nguyên đơn Tô Thị Mỹ D số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Tuy nhiên hiện nay bị đơn không có khả năng trả. Bị đơn cam kết sẽ trả cho nguyên đơn 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn: Thừa nhận có vay, hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.
- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn M:* Xét thấy, bị đơn M có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền bản viết tay đề ngày 02/10/2018 âm lịch (tức ngày 08/11/2018 dương lịch). Đây là hợp đồng dân sự vay tài sản do hai bên tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ ngày giao kết. Hợp đồng này thể hiện vay số tiền 10.000.000 đồng và thời hạn trả tiền, không thỏa thuận về lãi.

Bị đơn xác nhận có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên, vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn M, T trả 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về

tranh chấp dân sự có giá ngạch với số tiền án phí phải chịu là $5\% \times 10.000.000$ đồng = 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị Mỹ D.

2. Buộc bị đơn Phạm Ngọc M và Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn Tô Thị Mỹ D số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn Phạm Ngọc M và Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 10.000.000$ đồng = 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Tô Thị Mỹ D 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006234 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S;
- Các đương sự (02);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA